

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 01 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Nguyễn Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TL.ST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H1 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TLA1, huyện CTA, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TLA, xã TLA, huyện CTA, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ngân hàng CSXH

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu D – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NT1A, thị trấn MN, huyện CTA, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/7/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc H2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H2 thường xuyên cờ bạc, ăn chơi, không lo cho gia đình nên từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2015 thì vợ chồng không còn sống chung. Bà H1 xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông H2. Về con chung: Bà và ông H2 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H3 (nữ), sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Thị Ngọc H4 (nữ), sinh ngày 26/7/2013, cháu H3 và H4 hiện đang sống

với bà H1. Bà H1 yêu cầu được nuôi cháu H3, cháu H4 và không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H2 trình bày: Ông H2 trình bày thống nhất với bà H1 về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung. Về thời gian kết hôn là vào năm 2006. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2015 bà H1 tự ý bỏ nhà đi, ông không rõ nguyên nhân. Bà H1 có yêu cầu ly hôn ông H2 cũng đồng ý. Về con chung: Ông H2 có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng. Về nợ chung: Ông và bà H1 có nợ Ngân hàng CSXH số tiền 12.000.000đồng, ông H2 yêu cầu chia đôi số nợ này, ông đồng ý trả cho ngân hàng số tiền 6.000.000đồng và lãi suất.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH – Phòng giao dịch huyện CTA là ông Nguyễn Hữu D trình bày: Bà Lê Thị Thúy H1 và ông Nguyễn Ngọc H2 có vay của Ngân hàng CSXH số tiền 12.000.000đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán. Do khoản nợ chưa đến hạn và phía ngân hàng có thể thỏa thuận được với ông H2, bà H1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H3 (nữ), sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Thị Ngọc H4 (nữ), sinh ngày 26/7/2013 cho bà H1 nuôi dưỡng, ông H2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Thúy H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H2 và yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc H2, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H2, ông D.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông H2, bà H1 tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông H2, bà H1 phát sinh mâu thuẫn. Bà H1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H2 thường xuyên cờ bạc, ăn chơi, không lo cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan

điểm. Ông H2 cho rằng do bà H1 tự ý bỏ đi, đến khi về thì yêu cầu ly hôn, ông không rõ nguyên nhân bà H1 yêu cầu ly hôn. Ông H2 đồng ý ly hôn với bà H1. Quá trình tố tụng cho thấy bà H1 và ông H2 không còn chung sống với nhau hơn hai năm mà không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H2 không đến Tòa án để tham gia hòa giải để gắn kết quan hệ vợ chồng. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H1 và ông H2 là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H1.

[3.2] Về con chung: Bà H1, ông H2 có hai người con chung tên Nguyễn Thị Kim H3 (nữ), sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Thị Ngọc H4 (nữ), sinh ngày 26/7/2013. Bà H1 và ông H2 đều có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng: Bà H1 hiện tại đang đi làm thuê, có thu nhập hàng tháng, cha mẹ có cho một phần đất ruộng để làm nên có thu nhập để nuôi con. Ông H2 có yêu cầu nuôi con chung nhưng không cung cấp chứng cứ, chứng minh về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H3 và cháu H4 từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà H1. Sau khi bà H1, ông H2 không còn sống chung thì các cháu H3 và H4 do bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng bà H1 vẫn tạo điều kiện cho ông H2 thăm và chăm sóc hai cháu. Tại biên bản lấy lời khai, cháu H3 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Nhằm đảm bảo ổn định về tâm lý, chỗ ở và điều kiện chăm sóc, giáo dục cho các cháu nên giao cháu H3, cháu H4 cho bà H1 nuôi dưỡng. Do bà H1 không có yêu cầu cấp dưỡng nên ông H2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông H2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất không có. Về nợ chung: Bà H1, ông H2 chứng minh có nợ của Ngân hàng CSXH số tiền 12.000.000đồng. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết. Sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H2.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H3 (nữ), sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Thị Ngọc H4 (nữ), sinh ngày 26/7/2013 cho bà Lê Thị Thúy H1 nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc H2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy H1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0014407 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà H1 đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu